

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1412* /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày *16* tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1560/TTr-SLĐTBXH ngày 04 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện đối với các thủ tục hành chính mới ban hành kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Công Dịch vụ công tỉnh và niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công; gỡ bỏ các thủ tục hành chính được bãi bỏ trên Cổng Dịch vụ công tỉnh theo quy định.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính mới ban hành kèm theo Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định, công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Lao động - Thương binh và Xã hội;  
Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu  
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Noinhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NC(La).

3



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Chiến**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1412/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	<p><b>1.010935</b> Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</li> <li>- 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- 01 bản chính danh sách nhân viên, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</li> <li>Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho đối tượng đồng thời chuyển hồ sơ đến Sở Lao động - TB&amp;XH trong thời gian 0,5 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định.</li> <li>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 14,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, quyết định cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy phải trả lời cá nhân, tổ chức đề nghị cấp phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 15 làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). <i>(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i></p>	<p>Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến</li> <li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</li> <li>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</li> </ul>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở.</p> <p>- 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ.</p>				
02	<p><b>1.010936</b> Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- 01 bản chính Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng) theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p>- <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho đối tượng đồng thời chuyển hồ sơ đến Sở Lao động - TB&amp;XH trong thời gian 0,5 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định.</p> <p>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, quyết định cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện. Trường hợp không cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện thì phải trả lời cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</p> <p>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</p>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các văn bản, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	<p><b>2. Thời gian giải quyết:</b> 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p><i>(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i></p>			
03	1.010937 Thu hồi giấy phép	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b> Văn bản của cơ sở cai</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b> - <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung</p>	Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. <b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ	tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 01, đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho đối tượng đồng thời chuyển hồ sơ đến Sở Lao động - TB&XH trong thời gian 0,5 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định. - <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định thu hồi giấy phép của cơ sở cai nghiện ma túy. Trường hợp không thu hồi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <b>2. Thời gian giải quyết:</b> 02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). <i>(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i>	thông qua các hình thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công - Nộp hồ sơ trực tuyến - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.		số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.
<b>2. Thủ tục hành chính cấp huyện</b>						
01	<b>1.010938</b> Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	<b>1. Thành phần hồ sơ</b> - Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - Bản sao quyết định thành	<b>1. Trình tự thực hiện:</b> - <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật	Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ trực tuyến - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức cung cấp dịch vụ).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).</li> <li>- 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên.</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản dự kiến quy trình cung</li> </ul>	<p>về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định.</p> <p>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, quyết định công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>2. Thời gian thực hiện:</b> 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>công ích.</p>		<p>số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</p>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>				
02	<p><b>1.010939</b>            Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bản, chứng chỉ đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm cơ sở vật chất tại địa điểm cung cấp dịch vụ mới</li> </ul>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định.</li> <li>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</li> <li>Trường hợp không đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>2. Thời gian thực hiện:</b> 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến</li> <li>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</li> <li>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</li> </ul>



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Bản báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>				
03	<p><b>1.010940</b> Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ</b></p> <p>- Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Các tài liệu sau đây đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập:</p> <p>+ Bản sao quyết định thành lập;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh bảo</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện:</b></p> <p>- <b>Bước 1:</b> Nộp hồ sơ</p> <p>Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức đóng trụ sở.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng</p>	<p>Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</p> <p>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai</p>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>+ 01 bản chính danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>+ 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên;</p> <p>+ Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>+ Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> <p>- Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</p>	<p>dẫn hoàn thiện hồ sơ theo mẫu quy định.</p> <p>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>2. Thời gian thực hiện:</b> 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			<p>nghịện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</p>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ				
<b>3. Thủ tục hành chính cấp xã</b>						
01	1.010941 Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	<p><b>1. Thành phần hồ sơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện của người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Bản photô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy.</li> </ul> <p><b>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b></p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện</b></p> <p>- <b>Bước 1:</b> Người nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 28 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP tại điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú và xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân để đối chiếu.</p> <p>Đối với trường hợp người bị cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên (sau đây gọi tắt là người nghiện ma túy) phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện, Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thẩm định hồ sơ đăng ký cai nghiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Trường hợp không quyết định cho cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p>	Nộp hồ sơ trực tiếp tại điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện của Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</li> <li>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</li> </ul>

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.            + Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, theo Mẫu số 24 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP phải được gửi cho cá nhân, gia đình người cai nghiện, các đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.            2. Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

### 1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
01	2.000044	Nghi chịu tang của học viên tại trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội – Cơ sở cai nghiện ma túy)	Quyết định 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016

### 2. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	2.000049	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Công bố tại Quyết định



						1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016
2	1.000123	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Công bố tại Quyết định 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016

### 3. Thủ tục hành chính cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
01	1.003521	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Ủy ban nhân dân cấp xã	Công bố tại Quyết định 1621/QĐ-UBND ngày 19/9/2016

**Tổng số: - 07 TTHC ban hành mới. Trong đó: 03 TTHC cấp tỉnh; 03 TTHC cấp huyện; 01 TTHC cấp xã  
- 04 TTHC bãi bỏ. Trong đó: 01 TTHC cấp tỉnh; 02 TTHC cấp huyện; 01 TTHC cấp xã**

